

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ
DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

Người hướng dẫn 1: PGS. TS. Nguyễn Thị Quế

Người hướng dẫn 2: TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Phản biện: PGS.TS. Bùi Nhật Quang

Phản biện: PGS.TS. Dương Văn Huy

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội vào hồi giờ 08h00 ngày 01 tháng 8 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cộng hòa Ấn Độ là quốc gia lớn nhất tiêu lục địa Nam Á với diện tích rộng thứ bảy, dân số đông nhất thế giới, chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và cũng được xem là một trong những cái nôi văn minh của nhân loại với truyền thống văn hóa giàu tính bản sắc. Kể từ sau khi giành được độc lập (1947), Ấn Độ đã từng bước khẳng định vị thế của mình trên bản đồ chính trị thế giới và được quốc tế đánh giá là một siêu cường tiềm năng. Ấn Độ tăng cường triển khai đối ngoại trên các lĩnh vực với các nước láng giềng, các nước lớn và các nước trong khu vực Á-ĐD-TBD nhằm tăng lợi thế cho mình trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc. Ấn Độ được dự báo sẽ trở thành nhân tố quan trọng trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực trong vài thập kỷ tới, cũng như thể hiện vai trò lớn hơn của mình đối với việc định hình một cấu trúc an ninh bền vững tại khu vực Nam Á. Năm 2014, Ấn Độ chứng kiến một bước ngoặt trong lịch sử bầu cử khi một đảng giành đa số mà không cần liên kết với đảng nào khác. Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) của lãnh đạo Narendra Modi đã giành chiến thắng áp đảo và chính thức trở thành Thủ tướng. Sự kiện này cũng đánh dấu cho một thời kỳ Ấn Độ có những sự thay đổi, điều chỉnh về chính sách đối ngoại nhằm thích ứng với những chuyển biến mạnh mẽ của tình hình thế giới và khu vực. Thủ tướng N. Modi đã điều chỉnh chiến lược đối ngoại một cách toàn diện, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là đảm bảo hòa bình, ổn định, hợp tác trong khu vực và trên thế giới, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước. Mặt khác, ông N. Modi mở rộng không gian chiến lược nhằm tạo dựng ảnh hưởng tương xứng với vị thế của cường quốc khu vực và toàn cầu. Ông cũng mạnh dạn lồng ghép thêm những biện pháp mới mang tính chủ động, mở rộng phạm vi quan hệ song phương sang những lĩnh vực mới mà trước đây chưa được khai phá dưới thời Thủ tướng M. Singh (2004 - 2014).

Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi không chỉ ảnh hưởng đến khu vực và thế giới mà còn ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam. Trong bối cảnh hòa bình hợp tác tiếp tục là xu thế chủ đạo ở khu vực và trên thế giới, Việt Nam đang thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế nhằm đưa đất nước ngày càng phát triển ổn định, hòa bình. Chính vì vậy, việc đi sâu tìm hiểu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay là hết sức cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc góp phần vào công tác hoạch định chính sách đối ngoại ở Việt Nam. Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay”*** làm luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc làm rõ cơ sở hình thành chính sách, Luận án làm rõ nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay. Qua đó, đánh giá, nhận xét về chính sách, đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(1) Hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, (2) Phân tích cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, (3) Phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, (4) Đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu về nội dung và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ theo mô hình vòng tròn đồng tâm. Theo đó, vòng tròn thứ nhất đề cập đến các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với Trung Quốc, các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực (SAARC). Vòng tròn thứ hai bao gồm các nước láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực Á-ĐD - TBD, bao gồm Mỹ, Nhật Bản, các nước ở châu Phi, Tây Á, Trung Á, Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Vòng tròn thứ ba đề cập đến phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe, các cơ chế đa phương như UN, WTO, G20. Đồng thời, luận án cũng tập trung phân tích, làm rõ các tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đến quan hệ quốc tế và Việt Nam. Vòng tròn này được hình thành theo tiêu chí “*Mức độ gần gũi và chiến lược về địa lý*” giữa Ấn Độ và các quốc gia..

- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ tháng 5/2014 đến hết năm 2024. Trong đó, năm 2014, đánh dấu cột mốc Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, mở ra một “thời đại Modi” với nhiều dấu ấn trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu toàn diện chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, trong đó tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành, nội dung chính sách và thực tiễn triển khai theo mô hình vòng tròn đồng tâm. Từ đó, đánh giá những thành công và hạn chế, xem xét tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đối với quan hệ quốc tế và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Cuối cùng đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- *Cách tiếp cận:* Luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại, về mối quan hệ song phương và đa phương giữa nhà nước và các chủ thể trong quan hệ quốc tế, luận án sử dụng cách tiếp cận hệ thống, đa ngành (chính trị, kinh tế, xã hội...), cách tiếp cận lịch sử, cách tiếp cận “vòng tròn đồng tâm” và các lý thuyết kinh tế - chính trị trong quan hệ quốc tế như chủ nghĩa trọng thương để xem xét mối quan hệ giữa lợi ích với việc hoạch định chính sách, mối quan hệ giữa sự thay đổi của xã hội với sự thay đổi trong nhận thức. Tìm thấy những giải đáp trong sự điều chỉnh nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Bên cạnh đó, luận án còn dựa trên một số lý thuyết quan hệ quốc tế tiêu biểu như chủ nghĩa hiện thực để làm rõ những mục tiêu và lợi ích trong chính sách đối ngoại, chủ nghĩa tự do để làm rõ sự phụ thuộc trong quan hệ giữa Ấn Độ và một số cường quốc, chủ nghĩa kiến tạo để làm rõ vai trò của bản sắc Ấn Độ và Thủ tướng N. Modi.

- *Phương pháp nghiên cứu:*

Một là, phương pháp phân tích chính sách và dự báo được sử dụng để phân tích tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc đối ngoại của Ấn Độ.

Hai là, phương pháp phân tích - tổng hợp được áp dụng để làm rõ việc triển khai chính sách đối ngoại kinh tế ở các cấp độ; đồng thời phân tích, đánh giá chính sách.

Ba là, phương pháp lịch sử được sử dụng để phân tích, làm rõ sự giống nhau, khác nhau và chỉ ra nguyên nhân tạo ra sự khác biệt cũng như nội dung có tính kế thừa giữa các nhiệm kỳ thủ tướng Ấn Độ.

Bốn là, phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng để làm rõ thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế tiêu biểu, làm nổi bật lên những hướng ưu tiên và nội dung chính trong quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Ngoài ra để thực hiện luận án tác giả còn sử dụng các phương pháp liên ngành, đa ngành của khoa học xã hội và nhân văn như: chính trị học, quan hệ quốc tế... tác giả luận án còn vận dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như logic, lịch sử tổng hợp, thống kê, phân tích, đối chiếu, so sánh và suy luận... để giải quyết những vấn đề khoa học đặt ra.

5. Nguồn tài liệu

- Các tài liệu sơ cấp như Cương lĩnh tranh cử BJP, các bài phát biểu, diễn văn, thông điệp Thủ tướng Ấn Độ N. Modi; hiệp ước ký kết giữa Ấn Độ với các nước, các khu vực trên thế giới; các công điện, thư từ của quan chức ngoại giao...

- Các công trình chuyên khảo của một số quan chức trực tiếp tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và thực thi chính sách đối ngoại Ấn Độ.

- Các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước

- Các công trình, bài viết nghiên cứu khoa học của các học giả Ấn Độ về chính sách đối ngoại quốc gia.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt khoa học

Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi giai đoạn 2014 - 2024 một cách khách quan và khoa học dưới góc nhìn của Việt Nam, góp phần đưa ra những nhìn nhận khách quan, đa chiều về cơ sở hình thành và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ, rút ra những đánh giá cơ bản trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, góp phần nhận thức, đánh giá về nền ngoại giao của Ấn Độ từ 2014 - 2024. Luận án đã đóng góp về lý luận quan hệ quốc tế, đặc biệt trong việc phân tích sự thay đổi trong chiến lược đối ngoại của một quốc gia đang nổi lên như một cường quốc khu vực và toàn cầu. Kết quả luận án làm sáng tỏ thêm nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn nắm quyền của Thủ tướng N. Modi, góp phần vào việc nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung, lịch sử quan hệ quốc tế của Ấn Độ nói riêng. Do vậy, luận án sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của sinh viên, học viên cùng những ai quan tâm đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

6.2. Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, Luận án nêu lên một số nhận thức mới, cần thiết cho quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thứ hai, Luận án sẽ là những hàm ý cần thiết cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Ấn Độ.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Phụ lục, luận án bao gồm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài

Chương 2: Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay

Chương 3: Nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay.

Chương 4: Đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay và hàm ý cho Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ

- Về cơ sở lý luận của hoạch định chính sách đối ngoại Ấn Độ

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có Nguyễn Văn Thắng (2023), *Chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ (2014 - 2022)*; Bajpai, K (2023), *How Realist Is India's*

National Security Policy?; Ganguly, S., Sridharan, E. (2024), *The Oxford Handbook of Indian Politics...*

- Về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại Ấn Độ

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Trần Thị Lý (2002), *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hòa Ấn Độ từ 1991 đến 2000*; Sumit (2017), *Variables of India's foreign policy*; Gupta, S. (2019), *Indian Foreign Policy under Narendra Modi: A New Brand or Just Repackaging?*; Bhuiyan, D. (2022), *Internal determinants of India's foreign policy: Issues and challenges*; Basrur, R. (2023), *Subcontinental Drift: Domestic Politics and India's Foreign Policy...*

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ

- Về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Jakub, Z., Jivanta, S., Manish, T. (2015), *India in the Contemporary World*; Horimoto, T. (2017), *Explaining India's Foreign Policy: From Dream to Realization of Major Power*; Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến (2017), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI*; Rajesh, B., Kate, S. E. (2017), *Rising India: Status and Power*; Harsh, V. P. (2017), *Indian Foreign Policy: An Overview*; Ngô Xuân Bình (2019), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi...*

- Về thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia láng giềng Nam Á

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Rakhee, B. (2018), *Northeastern India and Its Neighbours: Negotiating Security and Development*; Trần Nam Tiến (2022), *Chính sách Nam Á của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019): Tiếp cận từ góc độ an ninh*; Raghavan, TCA. (2019), *The People Next Door: The Curious History of India's Relations with Pakistan*; Sarki, A. (2019), *Paradiplomacy, domestic considerations and New Delhi's prerogative*; Nandy, D. (2019), *India's Bangladesh Policy: Dilemmas and Challenges*; Chalamalla, V. (2020), *India - Sri Lanka Relations Ethnic and Cultural Relations in the Context of SAARC*; Saqib, M.Y. (2019), *India's socio-economic and political engagement in Afghanistan...*

- Về thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các nước lớn

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Jain, B. M. (2016), *India - US Relations in the Age of Uncertainty: An Uneasy Courtship*; Suryanarayana, P. S. (2016), *Smart Diplomacy: Exploring China - India Synergy*; Rekha, C. (2017), *India - Russia Post Cold War Relations: A New Epoch Of Cooperation*; Mathur, A. (2017), *Japan and China in India's Foreign Policy...*

- Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các khu vực

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Dahiya, R., Singh, U. B. (2015), *Delhi Dialogue VI: Realising the ASEAN - India Vision for Partnership and Prosperity*; Tôn Sinh

Thành (2018), *Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*; Aras, F. Ç., Kandemir, E. (2023), *An Evaluation of India's Central Asian Policy in the Context of Regional Interests*; Ahmed, F., Kumar, S. (2016), *Foreign Policy of India: West Asia & North Africa (WANA)*; Malhotra, S. (2015), *EU - India Relations: A Soft Power Approach...*

- Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ tại các cơ chế đa phương

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Raghav, P., Rai, T. (2020), *India's strategic interest in SAARC countries: Soft power approach*; Kumar, R. (2017), *India and the BRICS A Cautious and Limited Engagement*; Kumar, S. (2020), *Reinvigoration of BIMSTEC and India's Economic, Strategic and Security Concerns*; Sarma, A. S. (2022), *India in SCO: Strengthening India's Footprint in Central Asia*; Mishra, R. (2023), *From non-alignment to multi-alignment: assessing India's foreign policy shift*; Vaishali, J., Somvir, G. (2023), *Situating the Quad in India's multi-alignment policy*; Bhagavan, M. (2010), *A New Hope: India, the United Nations and the Making of the Universal Declaration of Human Rights*; Mukherjee, B. (2022), *India and the G20 Presidency: Its Priorities and Challenges...*

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Các công trình nổi bật và liên quan gồm có: Đặng Đình Tiến (2021), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004 - 2014)*; Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2016), “*Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*”; Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2017), *Sức mạnh mềm Ấn Độ, sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa*; Nguyễn Xuân Trung (2017), *45 năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Thành tựu và triển vọng*; Lê Văn Toan (2018), *Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược...*

1.2. Nhận xét các công trình đã công bố và đúc kết những vấn đề luận án cần tiếp tục kế thừa và nghiên cứu bổ sung

- Làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành độc lập đến nay như hệ thống lý thuyết về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại như Chủ nghĩa Lý tưởng, chủ nghĩa Hiện thực, Tự do, Kiến tạo, Hậu thuộc địa; khái niệm, mô hình chính sách đối ngoại... Về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ, các công trình đã phân tích và xem xét các nhân tố này theo 03 cấp độ chính: Cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân.

- Phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ bao gồm: mục tiêu, nguyên tắc, đường lối đối ngoại, sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và sự triển khai chính sách đối với các chủ thể quan hệ quốc tế như các nước láng giềng Nam Á, các nước lớn, các khu vực và các cơ chế đa phương

- Đánh giá về tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với thế giới và quan hệ Ấn Độ - Việt Nam.

Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, song hầu hết các công trình mới chỉ đề cập và tổng kết đến nhiệm kỳ đầu tiên (2014 - 2019) hoặc mới tiếp cận sang đầu nhiệm kỳ thứ hai (2019 - 2024) của Thủ tướng N. Modi.

Thứ nhất, về những nội dung luận án sẽ kế thừa

Những công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước đã khái quát về cơ sở lý luận và thực tiễn quá trình hình thành, triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Điều này rất hữu ích giúp tác giả xây dựng bố cục, triển khai các nội dung của chuyên đề.

Thứ hai, những khoảng trống mà luận án sẽ nghiên cứu bổ sung

Một là, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay (cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại trên ba cấp độ, định nghĩa mới về chính sách đối ngoại, bổ sung thêm lý thuyết về các mô hình hoạch định chính sách đối ngoại và lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” làm khung lý thuyết).

Hai là, luận án phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay qua các vòng tròn đồng tâm.

Ba là, đánh giá sâu sắc về các thành tựu, hạn chế, đồng thời chỉ ra những điểm kế thừa, tiếp nối và những sự điều chỉnh, khác biệt trong mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm.

Từ đó, luận án đánh giá toàn diện những tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đối quan hệ quốc tế và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Luận án cũng đúc rút những kinh nghiệm và gợi mở chính sách cho Việt Nam.

Với những định hướng này, luận án sẽ phân tích, làm rõ quá trình vận động, phát triển chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay với những điểm kế thừa và điểm mới mà các nghiên cứu trước đó chưa thể hiện.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế

Một là, Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng, chủ thể chính trong hệ thống quan hệ quốc tế là các quốc gia - dân tộc có chủ quyền còn các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các công ty đa quốc gia, các nhóm hay cá nhân không đóng vai trò lớn. *Hai là* trong hệ thống quốc tế, các chủ thể luôn cố gắng xây dựng và tối đa hóa quyền lực. *Ba là*,

mối quan hệ ứng xử giữa các chủ thể bị ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố hệ thống, không chỉ bị chi phối bởi yếu tố quyền lực và lợi ích mà còn là bị tác động bởi hệ thống thứ bậc.

2.1.2. Chủ nghĩa Lý tưởng và Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế

Chủ nghĩa Lý tưởng nhấn mạnh vào vai trò của các giá trị đạo đức, nguyên tắc đạo lý và niềm tin vào sự tiến bộ trong các mối quan hệ quốc tế. Theo Chủ nghĩa Lý tưởng, các quốc gia nên hợp tác với nhau để thúc đẩy hòa bình và ổn định toàn cầu, đồng thời đề cao các giá trị phổ quát như nhân quyền, tự do và dân chủ. Chủ nghĩa Lý tưởng phản đối việc sử dụng sức mạnh quân sự hay các biện pháp cưỡng chế để giải quyết xung đột, mà thay vào đó, ưu tiên sử dụng ngoại giao, thương thuyết và hợp tác quốc tế. Mục tiêu chính của Chủ nghĩa Lý tưởng là xây dựng một trật tự quốc tế dựa trên luật pháp quốc tế.

Chủ nghĩa Tự do đề cập đến vai trò của các chủ thể phi quốc gia (như tổ chức quốc tế, các công ty xuyên quốc gia...) bên cạnh các chủ thể quốc gia trong quan hệ quốc tế. , Chủ nghĩa Tự do có những luận điểm cơ bản như sau: *Một là*, Chủ nghĩa Tự do cho rằng hòa bình, hợp tác là xu hướng chủ đạo của thế giới. *Hai là*, quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa đang đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố thẩm quyền và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, thể chế quốc tế. *Ba là*, trong quá trình tương tác giữa các chủ thể quốc tế, dần dần đã hình thành và duy trì một hệ thống giá trị, các quy tắc đạo đức và chuẩn mực ứng xử chung cho mọi quốc gia. *Bốn là*, Chủ nghĩa Tự do dành nhiều quan tâm đối với mối quan hệ chính trị trong nước cũng như các yếu tố đối nội.

2.1.3. Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế

Một là, bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị đều mang tính cấu trúc và tác động mạnh mẽ đến hành vi của chủ thể chính trị - xã hội trong quan hệ quốc tế. *Hai là*, mỗi nước để có một *bản sắc quốc gia*, đó là cách họ tự nhận thức về bản thân mình, từ đó xác định được những mục tiêu và lợi ích mà họ đang theo đuổi. *Ba là*, Chủ nghĩa Kiến tạo chú ý tới mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể và cấu trúc cũng như vai trò của thực hành bản sắc và lợi ích của chủ thể trong quan hệ quốc tế.

2.1.4. Chính sách đối ngoại

2.1.4.1. Khái niệm chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại là một bộ phận trong chính sách chung của một quốc gia được xây dựng dựa trên lợi ích quốc gia - dân tộc đó, là tập hợp những quyết định chiến lược mà quốc gia đề ra trong quá trình quan hệ với các chủ thể quốc tế nhằm phục vụ các mục tiêu về phát triển, an ninh và ảnh hưởng. Chính sách đối ngoại có thể được tiếp cận qua hai phương diện chính, gồm văn bản chính sách và hành vi chính sách.

2.1.4.2. Mô hình Chủ thể duy lý

Cách tiếp cận này giả định rằng tác nhân chính trong chính sách đối ngoại là một chủ thể duy lý, người có thể đưa ra các quyết định sáng suốt nhằm tối đa hóa giá trị và lợi ích cho quốc gia. Luận án lựa chọn áp dụng Mô hình Chủ thể duy lý để lý giải nhân tố tác động đến chính

sách đối ngoại của Ấn Độ từ năm (2014 - 2024) và phân tích tầm nhìn, mục tiêu và nguyên tắc của chính sách đối ngoại này. Lý giải cho sự lựa chọn này là do vì các quyết định của Chính phủ N. Modi dường như tuân theo logic của việc tối đa hóa lợi ích quốc gia dựa trên đánh giá chi phí và lợi ích.

2.1.4.3 Các cấp độ phân tích chính sách đối ngoại

- Cấp độ hệ thống quốc tế

Có 03 dạng trật tự thế giới: đơn cực, lưỡng cực, đa cực. Theo đó, cục diện thế giới hiện nay được xem là “nhất siêu đa cường” và đang định hình xu thế trật tự đa cực với sự nổi lên của các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản...Tức là, quyền lực quốc tế đang được trải rộng trên một số quốc gia, nhưng lại không tạo ra sự cân bằng quyền lực, nên chưa thể hình thành trật tự thế giới đa cực. Tiến trình phát triển đến trật tự đa cực của thế giới được cho là sẽ diễn ra trong một thời gian dài, với sự bất ổn định của hệ thống khi các xung đột quốc tế có thể xảy ra. Sự định hình của cục diện thế giới “đa cực, đa trung tâm” với điểm then chốt là cuộc “so găng” giữa các nước lớn để khẳng định vị thế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các quyết sách đối ngoại của Ấn Độ. Bên cạnh đó, với góc nhìn của cấp độ hệ thống, có thể thấy Ấn Độ còn chịu tác động mạnh mẽ từ các tổ chức quốc tế, nhất là các tổ chức quốc tế có “tiếng nói” về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội như UN, WTO, ASEAN...

- Cấp độ quốc gia

Khi phân tích chính sách đối ngoại Ấn Độ, cần xem xét đến quy trình chính trị nội bộ của Ấn Độ, sự tương tác giữa các cơ quan có vai trò then chốt trong việc hoạch định chính sách đối ngoại như văn phòng thủ tướng, Hội đồng An ninh Quốc gia và Bộ Ngoại giao. Ngoài ra, các yếu tố khác như đặc điểm địa lý, hệ tư tưởng, các giá trị chuẩn mực, triết lý truyền thống, văn hóa chính trị, tổ chức chính quyền.... cũng sẽ dắt dắt Ấn Độ đi đến những quyết sách khác nhau khi đối mặt với các tác động bên ngoài hệ thống.

- Cấp độ cá nhân

Có hai nhóm cá nhân tác động lớn đến chính sách đối ngoại (1) Các nhà lãnh đạo đương chức như Tổng thống, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao...(2) Những cá nhân không đương chức song vẫn có tầm ảnh hưởng đối với các quyết sách đối ngoại như cựu lãnh đạo, những người có ảnh hưởng trong xã hội. Mỗi cá nhân đều những tư tưởng, quan điểm chính trị và tầng tư duy khác nhau. Do đó, sự khác biệt về quan điểm khi xây dựng chính sách đối ngoại của từng cá nhân là không thể tránh khỏi.

2.1.4.4. Mô hình “vòng tròn đồng tâm”

Chính sách đối ngoại và an ninh của Ấn Độ áp dụng lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” gồm vòng tròn thứ nhất trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ hướng đến các nước láng giềng (Immediate neighbours), vòng tròn thứ hai là các nước láng giềng mở rộng (Extended neighbours), vòng tròn thứ ba là các vấn đề toàn cầu (The World). *Vòng tròn đồng tâm thứ nhất* đề cập đến các nước láng giềng lân cận (Immediate neighbours) là những quốc gia có

chung biên giới đất liền và biển với Ấn Độ. Cụ thể là khu vực Nam Á. *Vòng tròn thứ hai* bao gồm các nước láng giềng mở rộng (Extended neighbours) là các quốc gia ở xa Ấn Độ về mặt địa lý nhưng vẫn duy trì mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa và chiến lược quan trọng với Ấn Độ. *Vòng tròn thứ ba* (The World) biểu thị cấp độ toàn cầu và bao gồm phần còn lại của thế giới.

2.2. Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi

2.2.1. Cấp độ hệ thống

2.2.1.1. Xu thế trật tự thế giới đa cực

Một là, khi Mỹ suy giảm tương đối, thế giới chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và sự nổi lên của các cường quốc, cường quốc tầm trung như Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, EU. *Hai là*, các thể chế quốc tế và khu vực đồng thời tồn tại, vừa cạnh tranh vừa bổ sung cho nhau, từ đó chi phối và định hướng cục diện thế giới đa cực. *Bà là*, các mô hình phát triển trong cấu trúc kinh tế toàn cầu cùng phát triển trong mối quan hệ biện chứng, vừa đấu tranh vừa bổ sung lẫn nhau. *Bốn là*, xu hướng đa cực gắn liền với chủ nghĩa đa phương khiến các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. *Xu thế định hình đa cực đã có tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ*. Ấn Độ có thể xác định hướng đi trở thành một cực của thế giới với sự trợ lực của các cường quốc khác thông qua Chính sách “Đa liên kết”.

2.2.1.2. Xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới

Thứ nhất, đó là sự trỗi dậy mạnh mẽ của châu Á. *Thứ hai*, quá trình “Đông hóa” với sự chuyển dịch quyền lực từ Âu sang Á. *Thứ ba*, các liên kết và hội nhập kinh tế khu vực châu Á ngày càng gia tăng và trở nên sôi nổi hơn bao giờ hết, tạo thành một kinh tế chung vì quyền và lợi ích bình đẳng của tất cả các bên tham gia.

2.2.1.3. Nhân tố Mỹ

Một mặt Ấn Độ thắt chặt quan hệ với Mỹ và Mỹ công nhận vai trò và vị thế của Ấn Độ trong khu vực và quốc tế chính là động lực giúp Ấn Độ tự tin và quyết đoán hơn khi triển khai các quyết sách đối ngoại. Mặt khác, rõ ràng Ấn Độ đang yếu thế hơn so với Trung Quốc nên quốc gia cần một đối tác liên minh chiến lược để bổ sung quyền lực cạnh tranh với Trung Quốc. Lúc này, Mỹ trở thành sự lựa chọn hàng đầu bởi Mỹ là quốc gia duy nhất đủ tiềm lực và sức mạnh để đối kháng với Trung Quốc.

2.2.1.4. Nhân tố Trung Quốc

Sự trỗi dậy của Trung Quốc được dự báo về một thời kỳ căng thẳng chính trị và an ninh ở Á-ĐD-TBD. Nền kinh tế thế giới sẽ không thể phục hồi nhanh chóng, và cạnh tranh an ninh giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ vẫn là mâu thuẫn chính. Tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh giữa Trung Quốc và Nhật Bản; Trung Quốc và Ấn Độ; Trung Quốc và Việt Nam; và những bên khác sẽ mãnh liệt hơn. Nói cách khác, ở khu vực mà Ấn Độ theo đuổi lợi ích sẽ trở nên

phức tạp hơn. Và sự phức tạp của tình hình ở khu vực ÁĐD-TBD khiến Ấn Độ cần chọn lựa các đối tác và cộng sự để hợp tác với mục đích theo đuổi lợi ích của riêng mình.

2.2.1.5. Cạnh tranh chiến lược ở ÁĐD-TBD

Với xu hướng chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông, khu vực ÁĐD-TBD đang trở thành tâm điểm cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc, với các mối quan hệ phức tạp và lợi ích đan xen. Ấn Độ, với tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh mẽ, được coi là một nhân tố quan trọng trong việc gia tăng sức mạnh cạnh tranh cho bất kỳ liên minh nào trong khu vực.

2.2.1.6. Các nhân tố khác

- Vấn đề leo thang vũ khí hạt nhân

Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn, xung đột về lãnh thổ và lãnh hải đang ngày càng gia tăng, làm dấy lên các cuộc chạy đua vũ trang ở cấp độ khu vực và toàn cầu, bao gồm cả chạy đua sức mạnh vũ khí hạt nhân. Đầu năm 2016, Ấn Độ đã hoàn tất việc phát triển “bộ ba hạt nhân”, bao gồm tên lửa mang đầu đạn hạt nhân ở đất liền, máy bay ném bom tầm xa ở trên không và tàu ngầm tấn công ở dưới nước. Động thái này được cho là phản ứng của Ấn Độ đối với chiến lược hạt nhân của các nước láng giềng.

- Sự gia tăng của Chủ nghĩa Bảo hộ

Chủ nghĩa Bảo hộ không chỉ hiện hữu ở nước Mỹ mà đang trở thành xu hướng của toàn cầu. Những động thái ủng hộ Chủ nghĩa Bảo hộ của Ấn Độ chắc chắn sẽ tác động đến tiến trình hội nhập của quốc gia này trong chuỗi giá trị của thế giới và ảnh hưởng đến các quyết sách đối ngoại của Ấn Độ.

- Xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh mới

Thế giới đa cực đang được định hình theo hướng phát sinh các trục quan hệ đa phương gồm “bốn bên”, “ba bên” và các cặp quan hệ song phương. Bên cạnh đó, cục diện thế giới hiện nay còn hình thành mạng lưới liên kết nhằm kiềm chế sức mạnh của Trung Quốc gồm các quốc gia không phân biệt về chế độ chính trị, trình độ phát triển, cùng “chung chí hướng” là đối trọng với Trung Quốc, hướng tới một “trật tự dựa trên luật pháp”. Liên minh không chính thức này đã được dẫn đầu bởi Mỹ cùng với các quốc gia có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc như Ấn Độ.

- Nhu cầu năng lượng gia tăng

Trung Quốc, Ấn Độ và Mỹ là những nước tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính lớn nhất thế giới (GHG). Trong tương lai, sự thống trị của họ trong trật tự năng lượng toàn cầu sẽ trở nên rõ rệt hơn.

2.2.2 Cấp độ quốc gia

2.2.2.1. Địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ

Về địa chính trị, Ấn Độ nằm tại Nam Á, khu vực thường có những bất ổn về chính trị như xung đột lãnh thổ, tôn giáo, sắc tộc, biểu tình và khủng bố. Ấn Độ nằm tiếp giáp với Biển Ả Rập, Vịnh Bengal và ÁĐD giúp Ấn Độ có thể kiểm soát các tuyến đường hàng hải quan

trọng, bao gồm cả các eo biển quan trọng kết nối với Nam Á, Đông Nam Á, Tây Á, bao gồm các eo biển như Malacca. Điều này có ý nghĩa lớn trong việc đảm bảo an ninh hàng hải và bảo vệ các lợi ích quốc phòng. Về địa kinh tế, Ấn Độ là trung tâm của các tuyến đường thương mại hàng hải quan trọng của châu Á. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu và nhập khẩu và phát triển kinh tế vùng biển cùng du lịch.

2.2.2.2. Tình hình chính trị trong nước

Đặc điểm nổi bật trong nền chính trị Ấn Độ (2014 - 2024) của Thủ tướng N. Modi chính là lần đầu tiên một đảng chiếm đa số ghế trong Quốc hội, tạo nên một chính phủ đa số. Chính phủ N. Modi đã thực hiện các cải cách quan trọng ngay từ đầu nhiệm kỳ. Chính phủ mới của ông N. Modi đã tận dụng sự linh hoạt và quyết đoán này để đẩy mạnh các chính sách đối ngoại. Những nỗ lực này giúp Ấn Độ vươn lên trở thành một cường quốc khu vực với ảnh hưởng mạnh mẽ và sự hợp tác quốc tế được củng cố hơn trong thời gian tới. Những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Chính phủ N. Modi không chỉ là sự kế thừa từ các chính phủ trước đó với đặc trưng là tính liên tục.

2.2.2.3. Sức mạnh kinh tế - quốc phòng

- Sức mạnh kinh tế

Trong hai thập niên vừa qua dù có nhiều tác động lớn từ các vấn đề toàn cầu, song nền kinh tế vĩ mô vẫn phát triển tương đối ổn định với sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Từ nền kinh tế xếp thứ 10 thế giới (2014), Ấn Độ đã vươn lên thứ 5 thế giới (2023).

- Sức mạnh quốc phòng

Kể từ 2014 - 2024, Ấn Độ đã thi hành hàng loạt các chính sách nhằm nâng cao năng lực quốc phòng. Ấn Độ được xếp hạng là quân đội mạnh thứ tư trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc tại châu Á. Hiện nay, Ấn Độ là một trong những quốc gia được đánh giá có nền công nghiệp quốc phòng hiện đại nhất trong khu vực châu Á. Ấn Độ đứng ở vị trí thứ 4 thế giới về ngân sách quốc phòng.

2.2.2.4. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước năm 2014

Từ khi giành được độc lập (1947), chính sách đối ngoại Ấn Độ cũng luôn xoay quanh ba vòng tròn đồng tâm bao gồm các nước láng giềng lân cận (Immediate neighbours), các nước láng giềng mở rộng (Extended neighbours) và phần còn lại của thế giới (The World). Giai đoạn đầu (1947 - 1962) - Không liên kết lạc quan; Giai đoạn thứ hai (1962 - 1971) - Thập kỷ của chủ nghĩa hiện thực và phục hồi; Giai đoạn thứ ba (1971 - 1991) - Ấn Độ khẳng định mình tại khu vực; Giai đoạn thứ tư (1991 - 1998) - bảo vệ quyền tự chủ chiến lược; Giai đoạn thứ năm (1998 - 2013) - một cường quốc cân bằng.

2.2.2.5. Các nhân tố khác

- Sự chuyển đổi từ chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Thủ tướng N. Modi được xem là nhân tố quyết định đối với sự chuyển hướng sang Chủ nghĩa Thực dụng trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Chủ nghĩa Thực dụng đang ngày càng trở thành nền tảng cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Sự chuyển đổi từ lý tưởng sang thực tế không chỉ giúp Ấn Độ đối phó hiệu quả với các thách thức an ninh và kinh tế từ bên ngoài, mà còn nâng cao vị thế của nước này trên trường quốc tế. Thủ tướng N. Modi, với sự kiên định và nhạy bén của mình, đã thành công trong việc định hình lại cách tiếp cận của Ấn Độ đối với thế giới, đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu trong mọi quyết định và hành động.

- Văn hóa chiến lược

Trong công cuộc cải cách toàn diện, Ấn Độ luôn sử dụng chính sách văn hóa để củng cố cho sức mạnh tổng hợp quốc gia. Với Chính sách văn hóa “mềm” và “Ngoại giao Phật giáo”, Ấn Độ đã thành công trong việc quảng bá hình ảnh của một đất nước đa sắc tộc, đa văn hóa với thế giới.

- Sự nhấn mạnh các mục tiêu địa kinh tế trong chính sách đối ngoại

Ấn Độ cần điều chỉnh ngoại giao từ một quốc gia bình thường thành một quốc gia lớn có vai trò và tầm ảnh hưởng lớn hơn, thông qua việc thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện các chỉ số kinh tế và xã hội, và tăng cường vị thế của mình trong khu vực cũng như trên thế giới. Mô hình mới này còn nhấn mạnh đến sự kết nối giữa các quốc gia "giàu" và "mạnh", đặc biệt là với những quốc gia như Trung Quốc.

- Các nhóm lợi ích

Các nhóm lợi ích liên quan đến chính sách đối ngoại Ấn Độ đều có mặt cả bên trong và bên ngoài Quốc hội nhưng thiếu tính tổ chức hoặc thiếu tính liên kết so với phần lớn các nền dân chủ khác.

2.2.3. Cấp độ cá nhân

2.2.3.1. Xuất thân của Thủ tướng Narendra Modi

Nguồn gốc đẳng cấp và nền tảng gia đình của Thủ tướng N. Modi cũng đóng vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao quyết đoán của ông. Bên cạnh đó, nhờ có cá tính mạnh mẽ, tự tin, ông N. Modi còn có khả năng thực hiện những tình huống khó khăn mà không do dự. Ông N. Modi đã tái thiết chính sách ngoại giao của Ấn Độ một cách mạnh mẽ và có mục đích.

2.2.3.2. Phong cách lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi

Thứ nhất, Đảng BJP do N. Modi lãnh đạo xem truyền thống tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc Hindu là triết lý chính trị và hệ tư tưởng. *Thứ hai*, ông N. Modi được miêu tả là một người theo “Chủ nghĩa Thực dụng”. *Thứ ba*, ông N. Modi lại không đặt nặng vấn đề này khi mạnh dạn điều chỉnh những nguyên tắc chuẩn mực trước đó. *Thứ tư*, chính sách Ấn Độ chịu ảnh hưởng từ nhận thức của Thủ tướng N. Modi về sự phức tạp của hệ thống quốc tế. *Thứ năm*, ông là một nhà hùng biện thiên tài trước công chúng, với một thái độ mềm mỏng cá nhân, và cũng đạt được thành công tương tự trong việc vượt qua nền tảng truyền thống của đảng mình để kết

nổi với cử tri. *Thứ sáu*, ông đã thể hiện sự kiên trì to lớn trong việc vượt qua những trở ngại chính trị, cũng như dần trở thành một nhân vật ảnh hưởng của một quốc gia với trọng tâm là thu hút đầu tư và thúc đẩy nền kinh tế.

2.2.3.3. Mối quan hệ cá nhân của Thủ tướng Narendra Modi

Một yếu tố cá nhân khác ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi chính là các mối quan hệ cá nhân mà ông xây dựng với các nhà lãnh đạo thế giới. Cách tiếp cận này cho thấy, bên cạnh việc dựa vào thể chế và lợi ích quốc gia, Thủ tướng N. Modi còn vận dụng mạnh mẽ yếu tố quan hệ cá nhân như một kênh để nâng cao vị thế và mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế.

CHƯƠNG 3

NỘI DUNG VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

3.1. Tầm nhìn đối ngoại

Tầm nhìn đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là biến Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một thế lực trỗi dậy trên toàn cầu, từ một nước giữ “cân bằng” trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ một nước tuân thủ các quy tắc trở thành một quốc gia tạo ra “luật chơi” và thiết lập các chương trình nghị sự toàn cầu.

3.2. Mục tiêu của chính sách đối ngoại

3.2.1. Mục tiêu chung

Bên cạnh việc nhấn mạnh vào phát triển kinh tế như một ưu tiên hàng đầu, Chính phủ N. Modi cũng nhận thức rõ một nền kinh tế vững mạnh cần được hỗ trợ bởi một môi trường an ninh ổn định và một tầm ảnh hưởng quốc tế vững chắc. Việc Ấn Độ tập trung vào "An ninh" như một mục tiêu ưu tiên thứ hai trong chính sách đối ngoại cho thấy Chính phủ N. Modi tiếp tục duy trì sự quan tâm đối với việc bảo vệ và củng cố lợi ích quốc gia trong bối cảnh khu vực và quốc tế đầy biến động. Mục tiêu cuối cùng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là "Vị thế". Với Ấn Độ, việc nâng cao vị thế quốc tế không chỉ đơn thuần là tăng cường ảnh hưởng mà còn là việc đảm nhận vai trò lãnh đạo trong các vấn đề toàn cầu.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.2.1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế

Một trong những ưu tiên hàng đầu của Thủ tướng N. Modi là đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Ấn Độ, nhất là sự hiện diện tại các thị trường mới và tiềm năng thông qua chính sách đối ngoại. Dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã lồng ghép ngoại giao kinh tế với ngoại giao chính trị trong chính sách đối ngoại của mình.

3.2.2.2. Tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực

Chính sách đối ngoại được ông N. Modi khéo léo sử dụng như là một công cụ để “mở rộng vùng ảnh hưởng về an ninh của Ấn Độ”. Vùng ảnh hưởng về an ninh của Ấn Độ được hình dung như những vòng tròn đồng tâm. Ấn Độ ở vị trí trung tâm của vòng tròn này.

3.2.2.3. Nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới

Thủ tướng N. Modi đặt mục tiêu nâng cao vai trò và ảnh hưởng của Ấn Độ trong cấu trúc quốc tế. “Đa liên kết” được xem là chiến lược tất yếu mà Chính phủ N. Modi theo đuổi để nâng tầm ảnh hưởng và hướng tới việc trở thành một nhà lãnh đạo, một người tạo ra “luật lệ” thay vì phải an phận làm một “lực lượng cân bằng” như thời kỳ trước đó. Ở cấp độ khu vực, New Delhi thúc đẩy sự hiện diện, tiếng nói và nâng cao vai trò của mình bằng cách thúc đẩy mô hình chủ nghĩa khu vực do quốc gia này dẫn dắt. Ở cấp độ toàn cầu, Ấn Độ đã tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với các cường quốc cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ và công nhận của cộng đồng quốc tế cho vị trí Ấn Độ là một cường quốc hàng đầu quan trọng.

3.3. Nhiệm vụ đối ngoại

Thứ nhất, tạo mạng lưới liên minh quốc tế để thúc đẩy và bảo vệ lợi ích chung. *Thứ hai*, hợp tác toàn cầu vì tiến bộ, thịnh vượng, hòa bình và an ninh. *Thứ ba*, thúc đẩy các sáng kiến kinh tế lớn. *Thứ tư*, đóng vai trò quan trọng hơn trong các cơ chế đa phương và đàm phán quốc tế, không chỉ ở cấp độ toàn cầu mà còn ở cấp khu vực, tiểu khu vực, tiểu vùng. *Thứ năm*, tăng cường chống khủng bố và cô lập các quốc gia, tổ chức ủng hộ khủng bố, hướng tới thành lập tổ chức tập hợp các quốc gia chống khủng bố trên toàn cầu. *Thứ sáu*, tích hợp quyền lực mềm để nâng tầm vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ.

3.4. Nguyên tắc đối ngoại

- Lợi ích quốc gia trên hết

Nguyên tắc “lợi ích quốc gia trên hết” được Ấn Độ duy trì và tiếp nối xuyên suốt lịch sử ngoại giao từ khi giành độc lập và được Thủ tướng N. Modi kế thừa. Chính phủ của Ông coi đây là nguyên tắc chỉ đạo hàng đầu về đối ngoại và được nhắc đến đầu tiên trong số các nguyên tắc “bất di bất dịch”.

- Tự chủ chiến lược

Dưới thời Thủ tướng N. Modi, “tự chủ chiến lược” lại được gắn với “đa liên kết”. Chính sách này không nhằm vào việc đứng ngoài các cạnh tranh quyền lực của những quốc gia đứng đầu thế giới, cũng không phải là hoàn toàn liên minh với một siêu cường mà là hợp tác với nhiều đối tác chiến lược khác nhau, nhiều trung tâm quyền lực của thế giới để tranh thủ được tối đa lợi ích.

- Nguyên tắc Panchamrit

Năm trụ cột trong nguyên tắc *Panchamrit* bao gồm phẩm giá và danh dự (Samman); tham gia và đối thoại sâu rộng hơn (Samvad); chia sẻ sự thịnh vượng (Samriddhi); an ninh khu vực

và toàn cầu (Suraksha); các liên kết văn hóa và nền văn minh (Sanskriti evam Sabhyata) thay thế 05 nguyên tắc chung sống hòa bình Panchsheel vốn là di sản của Thủ tướng J. Nehru.

3.5. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay

3.5.1. Vòng tròn thứ nhất trong chính sách đối ngoại

Ấn Độ coi mối quan hệ với Trung Quốc và các nước Nam Á là “vòng tròn thứ nhất” trong chính sách đối ngoại bởi đây là không gian chiến lược gần gũi và có ảnh hưởng trực tiếp nhất đến an ninh, ổn định và phát triển của quốc gia. Do đó, chính sách “Láng giềng trước tiên” dưới thời Thủ tướng N. Modi tiếp tục khẳng định việc giữ ổn định và duy trì ảnh hưởng trong vòng tròn thứ nhất là điều kiện tiên quyết để Ấn Độ thực hiện tham vọng trở thành cường quốc khu vực và toàn cầu.

3.5.2. Vòng tròn thứ hai trong chính sách đối ngoại

Để tạo dựng một vị trí riêng cho mình trong khu vực ÁDD - TBD, Ấn Độ đã củng cố các mối quan hệ đối ngoại với Mỹ - nhân tố thống trị an ninh trong khu vực, cùng các nước ở Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á, Trung Á, Tây Á, Châu Phi, Châu Đại Dương (Australia) và các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO. Trong đó nổi bật là các chính sách Chính sách “Ngoại giao nước lớn”, “Cân bằng quyền lực”, “Hành động hướng Đông”, “Kết nối Trung Á” (CCAP), “Liên kết phía Tây” (LWP) - “Nghĩ về phía Tây” (TWP), Chính sách Châu Phi và Sáng kiến ÁDD - TBD (sự kết hợp của Chính sách “Láng giềng trước tiên”, “Hành động hướng Đông” và SAGAR) - IPOI.

3.5.3. Vòng tròn thứ ba trong chính sách đối ngoại

Về vòng tròn thứ ba, tức là cấp độ toàn cầu, Ấn Độ tìm cách định vị mình là một trong những “người chơi chính trong hòa bình và an ninh quốc tế.” Để theo đuổi mục tiêu này, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi không chọn bên hay ngả về phía một cường quốc nào cả, mà vẫn giữ quan điểm “trung lập” với nguyên tắc “tự chủ chiến lược”. Điều này cho phép Ấn Độ tự tin thúc đẩy quan hệ với Nga trong khi vẫn giữ mối quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ. Về chính sách đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chiến lược “đa liên kết”, đa dạng hóa quan hệ, điều này cho phép New Delhi củng cố vị thế của mình ở cấp độ toàn cầu. Chiến lược đa dạng hóa quan hệ đặt trọng tâm vào việc hợp tác với nhiều đối tác trên một loạt các lĩnh vực và tham gia tích cực hơn vào các tổ chức đa phương. Đến hết năm 2024, Ấn Độ đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 201 quốc gia, bao gồm cả những quốc gia ở vòng ngoài ÁDD - TBD như khu vực EU, Mỹ Latinh và Caribe, là thành viên của hơn 2.000 tổ chức quốc tế trong tổng số 6.000 tổ chức trên thế giới. Tuy nhiên, Ấn Độ lại không phải là thành viên của bất kỳ liên minh quân sự nào.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY, DỰ BÁO CHIỀU HƯỚNG TRIỂN KHAI VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

4.1. Đánh giá về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi

4.1.1. Các kết quả đạt được

4.1.1.1 Về việc hoàn thành mục tiêu chung

Về mục tiêu “*Phát triển Ấn Độ*”, Thủ tướng N. Modi đã thành công trong việc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Ấn Độ thông qua chính sách đối ngoại. Ấn Độ từ nền kinh tế xếp thứ 10 thế giới (2014) đã vươn lên thứ 5 thế giới. Chính sách đối ngoại là một trong những nhân tố góp phần giúp Ấn Độ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển ổn định như vậy. Về mục tiêu “*An ninh Ấn Độ*”, Thủ tướng N. Modi đã thành công trong việc áp dụng Chiến lược “*Đa liên kết*” để tạo nên những hàng rào an ninh bao quanh bảo vệ Ấn Độ. Thủ tướng N. Modi đã mạnh dạn trong việc đề xuất hợp tác an ninh với các nước láng giềng trong khu vực Nam Á và các nước láng giềng mở rộng trong khu vực Á-Đ-TBD. Bên cạnh việc đối phó với các thách thức an ninh truyền thống, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã có một số thành tựu trong việc tăng cường đối ngoại để giải quyết với các thách thức an ninh phi truyền thống. Về mục tiêu “*Vị thế Ấn Độ*”, nhờ sự tăng trưởng về kinh tế, vị thế của Ấn Độ nhìn chung đã gia tăng đáng kể dưới thời Thủ tướng N. Modi nhờ xử lý tốt mối quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn và sự gia tăng hiện diện tại các diễn đàn quốc tế. Một trong những thành công nổi bật trong một thập kỷ cầm quyền của Thủ tướng N. Modi là xây dựng được một chính sách đối ngoại nhất quán, đặt lợi ích của Ấn Độ lên hàng đầu. Mặt khác, sự hiện diện của Ấn Độ trên các diễn đàn thế giới đã trở nên “sắc nét” và “rõ ràng” hơn các giai đoạn trước đó khi thể hiện sự đóng góp và vai trò chủ chốt của mình. Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các tổ chức toàn cầu.

4.1.1.2. Về việc triển khai chính sách đối ngoại với từng vòng tròn đồng tâm

4.1.1.2.1. Đối với vòng tròn thứ nhất

Ở vòng tròn thứ nhất, trong mối quan hệ với Trung Quốc, dù có những thách thức trong quan hệ chính trị, Ấn Độ và Trung Quốc vẫn duy trì mối quan hệ kinh tế chặt chẽ. Chính sách “*Láng giềng trước tiên*” của Thủ tướng N. Modi đã có những bước tiến đáng kể. Chính sách “*Láng giềng trước tiên*” của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã góp phần mang lại những bước tiến đầy triển vọng trong việc tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng tại khu vực Nam Á. Đặc biệt là thông qua các diễn đàn như SAARC, BIMSTEC và BBIN.

4.1.1.2.2. Đối với vòng tròn thứ hai

Ở vòng tròn thứ hai, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đã gia tăng ảnh hưởng ở khu vực Á-Đ-TBD. Một trong những điểm nhấn quan trọng trong chính sách đối ngoại của ông N. Modi tại khu vực Á-Đ-TBD chính là Chiến lược “*Đa liên kết*” được áp

dụng linh hoạt và hiệu quả. Chính quyền của Thủ tướng N. Modi đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong quan hệ hữu nghị với các nước trong khu vực Á-ĐD-TBD. Những kết quả này cho thấy sự nỗ lực của chính quyền N. Modi trong việc thiết lập và củng cố các mối quan hệ chiến lược, nhằm đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc trong khu vực Á-ĐD-TBD.

4.1.1.2.3. Đối với vòng tròn thứ ba

Kiên định với chiến lược “đa liên kết”, Ấn Độ coi trọng việc mở rộng quan hệ đối ngoại ở cấp độ toàn cầu, tức vòng tròn cuối cùng và gặt hái được một số kết quả nhất định. Những thành tựu này thể hiện sự nỗ lực của Ấn Độ trong việc mở rộng và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, không chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh tế và quốc phòng, mà còn trong các lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, KH&CN... Điều này giúp Ấn Độ nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế và góp phần vào sự phát triển bền vững toàn cầu. Như vậy, có thể khái quát lại, chính phủ N. Modi cơ bản đã bám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của chính sách đối ngoại với ba trụ cột là “Phát triển Ấn Độ”, “An ninh Ấn Độ” và “Vị thế Ấn Độ”. Ba trụ cột này tạo thành một tam giác chiến lược có sự tương tác lẫn nhau, do đó, các thành tựu đạt được trong trụ cột này có thể trở thành động lực thúc đẩy cho trụ cột khác, hình thành sự gắn kết chiến lược và phục vụ cho lợi ích của quốc gia.

4.1.1.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Một là, mục tiêu và động lực rõ ràng. *Hai là*, tầm nhìn chiến lược, các nguyên tắc đối ngoại và sự linh hoạt. *Ba là*, khả năng thiết lập quan hệ chiến lược với nhiều cường quốc khác nhau và nỗ lực duy trì hòa bình và ổn định khu vực. *Bốn là*, tận dụng thời cơ trong bối cảnh địa chính trị thay đổi. *Năm là*, sự cá nhân hóa chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi. Cuối cùng, sự thành công trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi có được từ sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ máy ngoại giao chuyên nghiệp, sự tham gia tích cực từ các nhóm lợi ích đa dạng, đóng góp trí tuệ từ cộng đồng học giả, cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ từ nhân dân cả trong nước lẫn cộng đồng người Ấn Độ ở hải ngoại đã tạo nên một nền tảng vững chắc để thúc đẩy vị thế toàn cầu ngày càng tăng cao của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi.

4.1.2. Hạn chế

Dù đạt được những thành tựu nhất định, nhưng chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng vẫn còn tồn tại những hạn chế và thách thức.

Thứ nhất, trong vòng tròn thứ nhất, Ấn Độ chưa giải quyết tốt mối quan hệ với Pakistan tại khu vực Nam Á. *Thứ hai*, việc hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Nam Á (vòng tròn đầu tiên) còn bị chi phối khá nhiều vào những nhân tố bên trong và bên ngoài khu vực, khiến Ấn Độ khó có thể làm chủ khu vực Nam Á như mục tiêu mà nước này đã đề ra. *Thứ ba*, cũng trong vòng tròn thứ nhất, Ấn Độ chưa thể thúc đẩy được vai trò của các cơ chế đa phương phục vụ cho lợi ích của quốc gia và khu vực Nam Á. *Thứ tư*, tại vòng tròn thứ nhất, chính sách đối ngoại “thực dụng” của Ấn Độ vẫn chưa đủ sức để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung

Quốc và giảm thiểu “độ vênh” về sức mạnh giữa hai cường quốc châu Á. *Thứ năm*, trong vòng tròn thứ hai, cấu trúc ÁĐD-TBD đã tạo cơ hội cho Ấn Độ tối đa hóa lợi ích chiến lược của mình và ứng phó với những thay đổi trong môi trường an ninh, song bất chấp sự nhiệt tình chính trị giữa New Delhi và các đối tác, tốc độ thực hiện và lộ trình hiện thực hóa chiến lược ÁĐD-TBD của New Delhi vẫn còn hạn chế. *Thứ sáu*, ở cấp độ toàn cầu (vòng tròn thứ ba), vị thế của Ấn Độ vẫn chưa xứng tầm với tiềm năng hiện có của quốc gia này và chưa đạt được như mục tiêu đã đề ra. Cuối cùng, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi vẫn chủ yếu tuân thủ các quy tắc hơn là tham gia tạo ra quy tắc, trật tự quốc tế hay khu vực.

Các hạn chế trên này được xuất phát từ nhiều nguyên nhân

Một là, tại Nam Á, tranh chấp về lãnh thổ đã kéo dài từ lịch sử chính là nguyên nhân khiến Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi khó làm dịu đi mối quan hệ với Pakistan. *Hai là*, tính không đồng nhất và sự bất đối xứng. *Ba là*, tình hình luôn bất ổn của Nam Á. *Bốn là*, mặc dù Ấn Độ được xem là cường quốc đang lên nhưng xét về tổng thể sức mạnh vẫn chưa thể đứng ngang hàng với Trung Quốc, tạo ra độ “vênh” lớn về tương quan lực lượng giữa hai nước. *Năm là*, tại khu vực ÁĐD-TBD, đây được xem là khu vực có địa chiến lược quan trọng với nhiều nước lớn, song tầm nhìn ÁĐD-TBD của các quốc gia trong khu vực không bao giờ hoàn toàn phù hợp với nhau mà luôn tiềm ẩn những sự khác biệt về ưu tiên, bối cảnh và động lực. *Sáu là*, các yếu tố nội tại như các vấn đề kinh tế, các thách thức nội bộ về chính trị, tiến trình cải cách quốc phòng cũng góp phần làm chậm tốc độ thực hiện tầm nhìn và mục tiêu đối ngoại của Ấn Độ. *Bảy là*, việc khơi dậy Chủ nghĩa Dân tộc trong nước đã bị một số thế lực cực đoan lợi dụng làm xấu đi hình ảnh của Ấn Độ tại khu vực và trên thế giới khiến chính sách đối ngoại gặp nhiều xung đột hơn trong tương lai. *Tám là*, các mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ bị cản trở trong quá trình thực hiện bởi các vấn đề bất cập trong bộ máy ngoại giao của New Delhi.

4.1.3. Sự kế thừa, tiếp nối và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm

Thứ nhất, các chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi vẫn tiếp tục đặt ra các ưu tiên chiến lược cho Ấn Độ trên cả ba trụ cột: phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, và nâng cao vị thế quốc tế. *Thứ hai*, Thủ tướng N. Modi duy trì nguyên tắc “tự chủ chiến lược” trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng Ấn Độ sẽ không bị phụ thuộc hoặc chịu ảnh hưởng từ bất kỳ cường quốc nào khác, và sẽ luôn hành động dựa trên lợi ích quốc gia của mình. *Thứ ba*, Thủ tướng N. Modi tiếp nối chính sách tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Nam Á, với mục tiêu xây dựng một khu vực ổn định và phát triển bền vững. *Thứ tư*, Thủ tướng N. Modi duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề song phương, đồng thời thực hiện các chính sách cân bằng quyền lực trên phạm vi đa phương.

Bên cạnh những điểm kế thừa và tiếp nối, *Thủ tướng N. Modi cũng có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại*, tạo nên “bản sắc” N. Modi khác biệt với những người tiền nhiệm:

Thứ nhất, Thủ tướng N. Modi đã điều chỉnh chính sách đối ngoại từ “Chủ nghĩa Lý tưởng” của các nhà tiền nhiệm thành “Chủ nghĩa Thực dụng”. *Thứ hai*, trong khi các mục tiêu đối ngoại cốt lõi của Ấn Độ không có nhiều thay đổi, thì thứ tự ưu tiên của các mục tiêu đó dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có sự thay đổi lớn. *Thứ ba*, chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi được xem là sự thống nhất giữa địa chính trị và địa kinh tế. Điều mà các nhà tiền nhiệm trước đó chưa thực sự làm được vì còn dồn lực chính vào các vấn đề an ninh. *Thứ tư*, Thủ tướng N. Modi đã mạnh mẽ thay đổi năm nguyên tắc đối ngoại truyền thống Panchsheel có từ thời Thủ tướng J. Nehru thành năm trụ cột mới là Panchamrit. *Thứ năm*, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đánh dấu sự chuyển hướng rõ nét và mạnh mẽ từ “không liên kết” thành “đa liên kết”. *Thứ sáu*, trong khi Thủ tướng N. Modi duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề song phương của các nhà tiền nhiệm, thì hành động phản ứng “cứng rắn” của ông N. Modi có phần mạnh mẽ, quyết liệt và táo bạo hơn. *Thứ bảy*, từ chính sách “Hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm, Thủ tướng N. Modi đã nâng cấp thành chính sách “Hành động hướng Đông”. *Thứ tám*, từ khu vực bị “bỏ quên”, Tây Á đã trở thành khu vực thu hút sự quan tâm trở lại trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi. *Thứ chín*, chính quyền N. Modi cũng thay đổi mạnh mẽ chính sách về quyền lực mềm.

4.2. Tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời thủ tướng Narendra N. Modi đến quan hệ quốc tế và Việt Nam

4.2.1. Tác động đến quan hệ quốc tế

4.2.1.1. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn với Ấn Độ

Cả Ấn Độ và Trung Quốc đều không thể kiểm chế lẫn nhau và lợi ích tốt nhất của cả hai là tìm kiếm một thế giới đa cực bằng cách sắp xếp các lợi ích tương ứng của họ.

Mỹ đã đã thay đổi chính sách của mình đối với Ấn Độ, đặc biệt Mỹ cung cấp khả năng tiếp cận các công nghệ quân sự hiện đại nhằm định vị nước này như một bên tham gia tiềm năng trong khu vực trước ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Mặt khác, Ấn Độ đã thể hiện vai trò là một quốc gia tiềm năng trong đại chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ.

Theo truyền thống, Nga vẫn duy trì quan hệ hữu nghị với Ấn Độ, và hầu hết thời gian, Ấn Độ vẫn là trung tâm trong chính sách đối ngoại của nước này đối với Nam Á. Mặc dù, một sự thay đổi chiến lược đã được quan sát thấy sau cuộc khủng hoảng Ukraine (2014), khi Nga nghiêng về phía Trung Quốc nhiều hơn để được hỗ trợ chính trị và hợp tác kinh tế. Tuy nhiên, kể từ năm 2016, Nga đã dần dần thay đổi chiến lược hợp tác với Ấn Độ. Mối quan hệ Đối tác Chiến lược Đặc biệt, đặc quyền này càng được khẳng định qua việc Nga công bố Chiến lược An ninh quốc gia (2021), coi Ấn Độ là đối tác chiến lược ưu tiên.

Nhật Bản và Ấn Độ đã nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Đặc biệt và Toàn cầu. Mối quan hệ này ngày càng sâu sắc hơn kể từ khi Thủ tướng N. Modi nhậm chức (2014), qua

đó đưa quốc gia này cùng với Nhật Bản vào hành trình củng cố ảnh hưởng khu vực và khẳng định mình là một cường quốc khu vực trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy và những chuyển đổi trong khu vực. Nhật Bản rất mong muốn thúc đẩy quan hệ đối tác đặc biệt với Ấn Độ, không chỉ cho phép Nhật Bản hiện diện trong kiến trúc chiến lược và an ninh khu vực mà còn không cản trở quyền tự chủ lẫn nhau.

Là một phần trong chiến lược đối với khu vực Á-ĐD-TBD, EU nói chung và các quốc gia châu Âu nói riêng (Anh, Pháp, Đức...) đã và đang tăng cường quan hệ với Ấn Độ, giúp củng cố ổn định và hòa bình của khu vực. Quan hệ đối tác chiến lược Ấn Độ - EU đã trở thành một mối quan hệ quan trọng trong khu vực Á-ĐD-TBD và trên thế giới.

4.2.1.2. Góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới

Ấn Độ hiện đang mong muốn đi đầu trong việc định hình cấu trúc quản trị khu vực và tạo uy tín toàn cầu cho mình. Một trong những cách mà chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thay đổi trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới là việc bảo vệ quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ, tránh xa các liên minh ràng buộc, làm sâu sắc thêm quan hệ thương mại với Nga, trong khi tăng cường quan hệ đối tác với các quốc gia lớn như Mỹ, Nhật Bản, Australia và các quốc gia châu Âu. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng đã tập trung vào việc nâng cao vai trò của chính nước này trong các tổ chức đa phương quốc tế. Hơn nữa, Ấn Độ đã thể hiện sự chú trọng đặc biệt đến việc xây dựng và nâng cao quan hệ với các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á và châu Đại Dương. Cuối cùng, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới.

4.2.1.3. Thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu

Một trong những đóng góp quan trọng của chính sách đối ngoại của Ấn Độ là việc tạo ra môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực. Ấn Độ cũng đã đóng vai trò tích cực trong việc đảm bảo an ninh và ổn định toàn cầu. Thêm vào đó, Ấn Độ đưa ra những góp ý và đề xuất thiết thực để giải quyết các vấn đề toàn cầu. Trong tổng thể, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới và giải quyết các vấn đề toàn cầu.

4.2.1.4. Thúc đẩy nền kinh tế thế giới

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Với tầm nhìn đổi mới và những biện pháp kinh tế mạnh mẽ, Ấn Độ đã trở thành một đối tác quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế toàn cầu và đóng góp vào tăng trưởng bền vững và phát triển chung. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác kinh tế vùng và khu vực. Có thể nói, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đã đóng góp một phần quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế thế giới.

4.2.2. Tác động đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

4.2.2.1. Thúc đẩy mối quan hệ song phương lên tầm cao mới

- Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Thứ nhất, các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao diễn ra thường xuyên hơn, tần suất đã tăng lên và độ tin cậy chính trị ngày càng cao trên hầu hết các kênh từ Chính phủ tới Quốc hội, đảng phái chính trị và giao lưu nhân dân. Thứ hai, cơ chế đối thoại song phương đa dạng hơn. Cuối cùng, hai bên có nhiều tương đồng trong quan điểm về các vấn đề khu vực và toàn cầu.

- Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực kinh tế

Hai nước đều lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm trong chiến lược phát triển quốc gia. Quan hệ kinh tế - thương mại song phương đã có sự thúc đẩy rất lớn kể từ khi Ấn Độ công bố “Make in India”. Thương mại song phương giữa Ấn Độ và Việt Nam đã tăng trưởng ổn định trong những năm qua.

- Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Hợp tác an ninh giữa Việt Nam - Ấn Độ ngày càng được tăng cường và củng cố, thể hiện rõ nhất trong các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao và giữa các cơ quan an ninh của hai nước. *Hợp tác quốc phòng*, là điểm sáng trong quan hệ song phương, tuy hợp tác trên lĩnh vực này bắt đầu muộn hơn nhưng có tốc độ phát triển nhanh.

4.2.2.2. Tạo ra thách thức trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

Sự nổi lên của Trung Quốc như một cường quốc kinh tế và quân sự đã làm thay đổi cán cân quyền lực trong khu vực theo hướng lấy Trung Quốc làm trung tâm hơn. Các quốc gia ở châu Á đang điều chỉnh lại chính sách của mình để xây dựng mối quan hệ song phương và đa phương nhằm tạo ra sự cân bằng trong cán cân quyền lực, trong đó có Việt Nam. Việc Ấn Độ tìm kiếm vị thế cường quốc toàn cầu đã khiến Bắc Kinh phải cảnh giác. Xu hướng tích cực không có nghĩa là không có thách thức. Cả hai nước đều cho rằng khối lượng và mức độ hợp tác kinh tế như hiện nay là chưa đủ. Thái độ của Việt Nam đối với một số dự án khu vực có sự tham gia của Ấn Độ là thận trọng. “Yếu tố Trung Quốc” một mặt thúc giục Việt Nam và Ấn Độ hợp tác với nhau, nhưng mặt khác cũng khiến hai bên thực sự phải chú ý khi tiến hành đối thoại song phương với sự thận trọng đặc biệt “tôn trọng ranh giới đỏ”. Trong một số tình huống nhất định, như khi xảy ra chiến tranh, xung đột trực tiếp hay gián tiếp giữa các nước lớn, với vị trí địa - chiến lược của mình, Việt Nam sẽ có thể bị đẩy vào thế khó nếu vẫn muốn kiên trì chính sách “cân bằng động”. Khi đó, Việt Nam cần tỉnh táo đánh giá, dự báo về cục diện để có những quyết sách ứng phó phù hợp nhất, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Tương tự, nếu xảy ra xung đột từ các tranh chấp biển, đảo, Việt Nam cần có những chính sách ưu tiên nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chiến lược của Việt Nam.

4.3. Dự báo chiều hướng triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thời gian tới

Thứ nhất, đó là phát triển Ấn Độ lớn mạnh một cách toàn diện. *Thứ hai*, đó là nỗ lực giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. *Thứ ba*, đó là tìm

kiếm vị trí thực sự và xứng đáng của Ấn Độ trong hệ thống quốc tế và trật tự toàn cầu. *Thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh các ưu tiên trong chính sách, cụ thể như (1) Chính sách “*Láng giềng trước tiên*”, (2) Chính sách “*Ngoại giao nước lớn*”, (3) Sáng kiến “*ÂĐD-TBD*” (IPOI); (4) Chính sách “*Hành động hướng Đông*”; (5) Chính sách “*Nghĩ về hướng Tây*”; (6) Chính sách Châu Phi; (7) Các sáng kiến khu vực và đa phương; (8) Chiến lược “*Đa liên kết*” đi vào chiều sâu, thực chất; (9) Đổi mới chiến các lược ngoại giao và phương pháp ngoại giao.

4.4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Thứ nhất, quan điểm trong phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện

(1) Chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Ấn Độ phải nằm trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước, đặc biệt liên quan đến chính sách cân bằng giữa các nước lớn trong khu vực ÂĐD-TBD (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga) và với ASEAN; (2) Việt Nam cần nhìn thấy triển vọng Ấn Độ ngày càng có vai trò quan trọng trên thế giới, có thể là một cường quốc trong tương lai, cả về kinh tế và chính trị, nên cần có tầm nhìn dài hạn trong quan hệ với Ấn Độ; (3) Các cán bộ hoạch định chính sách, doanh nghiệp và người dân Việt Nam cũng cần có nhận thức đúng tiềm năng và thế mạnh của Ấn Độ; (4) Quan hệ giữa hai nước cần được củng cố và phát triển trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi mới phát triển nhanh, mạnh và bền vững; (5) Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ cần được thúc đẩy toàn diện trên các lĩnh vực, tuy nhiên cũng cần phải chọn một số lĩnh vực trọng tâm để tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực khác.

Thứ hai, cần giải quyết một số vấn đề chung sau

Một là, hai bên cần khẩn trương xây dựng chiến lược phát triển quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. *Hai là*, nâng cao nhận thức của các cán bộ hoạch định chính sách, các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân Việt Nam về tiềm năng, thế mạnh của Ấn Độ; khắc phục định kiến, sự thụ động và ngại khó khi quan hệ với Ấn Độ. *Ba là*, Việt Nam cần xác định rõ Việt Nam cần gì ở Ấn Độ, cũng như xác định lợi ích quốc gia của Ấn Độ và Ấn Độ cần gì ở Việt Nam, trong từng giai đoạn hợp tác và từng nội dung cụ thể, lựa chọn các lĩnh vực hợp tác tiềm năng để từ đó đề ra các biện pháp cụ thể để tăng cường quan hệ hai nước. *Bốn là*, tiếp tục duy trì hình thức xây dựng chương trình hành động 03 năm/lần để cụ thể hóa chiến lược. *Năm là*, duy trì và nâng cao hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương sẵn có và thiết lập các cơ chế hợp tác mới (thiết lập cơ chế đối thoại giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với Chính phủ) đáp ứng yêu cầu tình hình thực tiễn. *Sáu là*, hoàn thiện cơ chế pháp lý điều chỉnh quan hệ hai nước trên các lĩnh vực. *Bảy là*, củng cố và nâng cao năng lực các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại giữa Việt Nam và Ấn Độ. *Cuối cùng*, cần tích cực hơn trong việc quảng bá, tuyên truyền, chia sẻ thông tin để tăng cường sự hiểu biết của nhân dân hai nước.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, về cơ sở lý luận, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay là sự vận dụng sáng tạo của các Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo. Trong khi Chủ nghĩa Hiện thực lý giải về xu hướng “thực dụng” trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, nhất là trong cách ứng xử với các nước lớn, thì Chủ nghĩa Tự do mang đến góc nhìn toàn diện về xu hướng hợp tác của Ấn Độ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Mặt khác, Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh về vai trò của bản sắc Ấn Độ trong việc định hình chính sách đối ngoại của nước này. Dựa trên góc nhìn của mô hình chủ thể duy lý và ba cấp độ trong phân tích chính sách đối ngoại (cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân), tác giả đã làm rõ những nhân tố nội sinh và ngoại sinh tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Nếu các biến số ở cấp độ hệ thống ảnh hưởng trực diện đến cách lựa chọn công cụ, chiến lược và mục tiêu của chính sách đối ngoại của Ấn Độ, thì tình hình trong nước cùng vai trò của người lãnh đạo là nền tảng để thúc đẩy quá trình triển khai chính sách đối ngoại của quốc gia này. Như vậy, trong khi các yếu tố bên ngoài (cấp độ hệ thống) là điều kiện cần cho hoạch định chính sách thì các yếu tố bên trong (cấp độ quốc gia và cá nhân) là điều kiện đủ để thực hiện chính sách đối ngoại của New Delhi. Trong đó, cấp độ cá nhân có thể được đề cập là nhân tố có ảnh hưởng đáng kể đến chính sách của nước này do ông N. Modi có những “bản sắc” cá nhân khác biệt so với các nhà tiền nhiệm, dẫn tới những sự điều chỉnh trong chiến lược đối ngoại của New Delhi từ năm 2014 đến nay.

Thứ hai, về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi đã đề ra một tầm nhìn đối ngoại khá táo bạo và có phần tham vọng khi muốn biến Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một thế lực trỗi dậy trên toàn cầu, từ một nước giữ “cân bằng” trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ một nước tuân thủ các quy tắc trở thành một quốc gia tạo ra luật lệ. Mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Modi được xây dựng trên ba trụ cột cốt lõi là “*Phát triển*”, “*An ninh*”, “*Vị thế*”. Trong đó, “Phát triển” là ưu tiên hàng đầu, “An ninh” là trọng yếu và “Vị thế” là mục tiêu dài hạn. Xuất phát từ các mục tiêu cốt lõi, Ấn Độ đã xác định những nhiệm vụ trọng yếu với tính chất “thực dụng” và “đa liên kết”, sẵn sàng thiết lập các liên minh nhằm tăng cường hợp tác phát triển. Đồng thời, Ấn Độ cũng mở rộng vai trò lãnh đạo trong các diễn đàn quốc tế và khu vực, thúc đẩy việc bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa, tinh thần qua ngoại giao mềm, nhằm xây dựng một “thương hiệu” và “bản sắc” Ấn Độ độc đáo trên phạm vi toàn cầu. “Lợi ích quốc gia trên hết”, “Tự chủ chiến lược”, và “Panchamrit” là ba nguyên tắc đối ngoại quan trọng được Ấn Độ áp dụng để hiện thực hóa các nhiệm vụ trên. Về thực tiễn triển khai chính sách, tác giả vận dụng lý thuyết *vòng tròn đồng tâm* để phân tích và làm rõ mức độ ưu tiên các quan hệ quốc tế trong chính sách đối ngoại Ấn Độ.

Thứ ba, về đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới Thời thủ tướng N. Modi, có thể thấy cơ bản chính sách này đã được một số thành tựu đáng kể trên cả 3 trụ cột mục tiêu “Phát

triển”, “An ninh” và “Vị thế”. Trong đó, nổi bật là sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc của Ấn Độ và sự triển khai chính sách đối ngoại toàn diện trên các vòng tròn đồng tâm đã khiến phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ gia tăng đáng kể, thúc đẩy và duy trì một môi trường bên ngoài hòa bình và ổn định để Ấn Độ phát triển. Điểm sáng nhất trong chính sách đối ngoại an ninh xuyên suốt các nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi là việc không ngừng thúc đẩy Chiến lược ÂĐD-TBD, tức là ông đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến vòng tròn thứ hai nhằm khẳng định vai trò của Ấn Độ như một “lực lượng cung cấp an ninh” tại khu vực rộng lớn trong thời kỳ đương đại. Thời kỳ N. Modi cũng được đánh giá là “giai đoạn hiểm cớ” của Ấn Độ khi nước này giữ được mối quan hệ cân bằng, hài hòa giữa Nga và phương Tây trên nền tảng lợi ích quốc gia được tối đa hóa. New Delhi cũng thúc đẩy sự hiện diện, tiếng nói và nâng cao vai trò của mình bằng cách thúc đẩy mô hình chủ nghĩa khu vực do quốc gia này dẫn dắt, đồng thời tăng cường tham gia và thể hiện vai trò nhiều hơn tại các diễn đàn quốc tế như UN, WTO, G20,... Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi vẫn tồn tại một số hạn chế. Những hạn chế này sẽ là điều mà ông N. Modi cần cân nhắc kỹ lưỡng trong thời gian tới nhằm hoàn thiện chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Thứ tư, về sự kế thừa, tiếp nối và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm. *Một là*, Thủ tướng N. Modi đã có sự điều chỉnh từ “Chủ nghĩa Lý tưởng” sang “Chủ nghĩa Thực dụng” nhằm tạo nên một chính sách đối ngoại có phần quyết đoán, táo bạo và cứng rắn hơn các nhà tiền nhiệm, bỏ qua những “khuôn mẫu” và “nguyên tắc” để tối đa hóa lợi ích quốc gia. *Hai là*, dù vẫn tiếp tục duy trì 3 mục tiêu đối ngoại chiến lược là phát triển, an ninh, vị thế như những thời kỳ trước, song Thủ tướng N. Modi đã có sự điều chỉnh về thứ tự ưu tiên khi đặt mục tiêu “phát triển” lên hàng đầu thay vì “an ninh” như các giai đoạn trước. *Ba là*, ông tiếp tục duy trì nguyên tắc “tự chủ chiến lược” thông qua khẩu hiệu “*Ấn Độ tự cường*”, song có sự kết hợp đan xen và thống nhất giữa hai yếu tố địa chính trị và địa kinh tế, điều mà các nhà tiền nhiệm trước đó chưa thực sự làm được. *Bốn là*, ông N. Modi thay đổi năm nguyên tắc đối ngoại truyền thống Panchsheel thành năm trụ cột mới của Panchamrit. *Năm là*, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đánh dấu sự chuyển hướng rõ nét và mạnh mẽ từ “không liên kết” thành “đa liên kết”. *Sáu là*, ông tiếp nối chính sách tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Nam Á và phát triển thành “*Láng giềng trước tiên*”. *Bảy là*, duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc, song hành động phản ứng “cứng rắn” của ông N. Modi có phần mạnh mẽ và quyết liệt hơn. *Tám là*, từ Chính sách “Hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm, Thủ tướng N. Modi đã nâng cấp thành Chính sách “Hành động hướng Đông”, thể hiện một cách tiếp cận chủ động hơn trong việc xây dựng quan hệ với các nước ASEAN, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trong khu vực ÂĐD-TBD. *Chín là*, chính quyền N. Modi cũng coi trọng và thay đổi mạnh mẽ chính sách về *quyền lực mềm* theo hướng bài bản và chiến lược hơn các nhà tiền nhiệm.

Thứ năm, về tác động đối với thế giới và dự báo chính sách. Chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có những ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ quốc tế như thúc đẩy sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn, góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu và thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Đối với Việt Nam, Sáng kiến ÁĐD - TBD và Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ đang góp phần thúc đẩy mối quan hệ song phương với Việt Nam lên tầm cao, đồng thời cũng tạo những thách thức mới. Trong thời gian tới, Ấn Độ dự kiến sẽ tiếp tục tăng cường sức mạnh tổng hợp, nỗ lực giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, duy trì sự ủng hộ đối với một trật tự thế giới đa cực, phản đối chủ nghĩa bá quyền và tìm kiếm vị thế xứng đáng của mình trong hệ thống quốc tế. Những điều này sẽ mang lại cơ hội để Việt Nam tận dụng, nhằm thúc đẩy mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển sâu rộng và đi thực chất.

Thứ sáu, sau khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, tác giả đã đúc rút 02 bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ”, *Hội thảo Khoa học quốc tế “Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”*, tr.315-327, NXB Thế giới.
2. “Strategic Maritime Competition between India and China in Indo-Pacific region”, *International Scientific Conference Proceedings “India-China strategic competition and its impacts on other countries”*, pp. 183 - 190, NXB Khoa học xã hội
3. “India’s Cooperation with SAARC in Response to the Covid-19 Pandemic”, *International Conference Proceedings “The security and developments issues in the new situations”*, Vol.2, pp.211-230, The Gioi Publishers.
4. “The East Vietnam sea: Security risks and the interference of big countries”, *International Conference Proceedings “The First International conference on the issues of social sciences and humanities”*, pp.137-158, USSH, Vietnam National University Press, Ha Noi.